

XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM NĂM CUỐI THẾ KỶ VÀ TRIỂN VỌNG

PGS. TS. VÕ THANH THU

1. Những nhân tố tác động thuận nghịch đến quá trình hoạt động XNK

Bước vào năm cuối cùng của thế kỷ thứ 20 nền kinh tế của Việt Nam nói chung và hoạt động XNK nói riêng có nhiều thuận lợi và thách thức chờ đón tác động đan xen:

a. Thuận lợi:

Sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997-1998 thì năm 1999 kinh tế của các nước Đông Nam Á bước vào giai đoạn hồi phục kinh tế, tốc độ tăng trưởng thương mại cao, đã cuốn hút hoạt động thương mại VN phát triển theo.

Giá cả XK ở những mặt hàng chủ lực như gạo, đặc biệt là dầu thô tăng mạnh dẫn tới kim ngạch XK tăng.

Trong năm 1999 nhiều biện pháp của Chính phủ và Bộ Thương mại đã tác động có hiệu quả thúc đẩy hoạt động XNK phát triển:

+ Cho phép các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế được hoạt động XNK trực tiếp.

+ Đơn giản hóa thủ tục XNK: giấy phép, thủ tục hải quan, cấp quota v.v...

+ Cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án FDI hoạt động tại VN.

+ Hỗ trợ vốn, giảm lãi suất cho hoạt động XK.

+ Bộ Thương mại tổ chức thương cho các doanh nghiệp thuộc bất cứ thành phần kinh tế nào XK hàng hóa có trị giá lớn hoặc XK mặt hàng mới hoặc XK sang các thị trường mới. Đây là biện pháp kích thích XK.

+ Năm 1999 lần đầu tiên cho phép tư nhân được làm đầu mối XK gạo.

+ Bộ Thương mại phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức đẩy mạnh xúc tiến mậu dịch thông qua con đường ngoại giao.

b. Khó khăn thách thức tác động đến XNK

Nền kinh tế VN tuy không nằm trong trung tâm của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ, nhưng tốc độ phục hồi kinh tế diễn ra chậm.

Đầu tư FDI năm 1999 chỉ bằng 77,7% so với năm 1998.

Đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước chỉ đạt 18,7 ngàn tỷ đồng đạt 97,4% kế hoạch, ước giải ngân ODA 1.452 triệu USD đạt 84% kế hoạch (Nguồn Bộ Thương mại Việt Nam).

Chủ trương kích cầu của Nhà nước triển khai chậm, thiếu biện pháp cụ thể, dẫn tới ngân hàng thừa vốn, còn doanh nghiệp thiếu vốn.

Luật thuế giá trị gia tăng và Luật thuế doanh nghiệp mới đưa vào áp dụng năm 1999 nên các cơ quan quản lý và các nhà doanh nghiệp còn nhiều lúng túng khi áp dụng; cơ chế về thuế thay đổi liên tục đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động XNK.

2. Tổng kết đánh giá tình hình hoạt động XNK trong năm 1999

a. Tình hình XK:

Bảng 1: Tình hình xuất khẩu của Việt Nam năm 1999

DVT: số lượng: 1.000 tấn, giá trị: triệu USD

Chỉ tiêu	Thực hiện 1998		Ước thực hiện 1999		Ước 1999 so với 1998	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng %	Giá trị %
I. Tổng trị giá XK		9.361		11.523		123,1
Các doanh nghiệp có vốn trong nước		7.378,4		8.946		121,2
Các doanh nghiệp có vốn FDI trong đó KCX		1.982,6		2.577		130,0
		397		583		146,9
II. Mặt hàng XK chủ yếu						
1. Lạc nhân	86,8	42,0	56	32,7	64,5	77,9
2. Cao su	191,0	127,5	262	145	137,2	113,7
3. Cà phê	381,8	593,8	487	591,5	127,6	99,6
4. Chè các loại	33,2	50,9	37	46	110,5	91,1
5. Hạt tiêu	15,0	64,4	34,8	137,5	232,0	213,5
6. Hạt điều nhân	25,6	117,0	15,8	93	61,7	79,5
7. Gạo	3.749,0	1.024,0	4.550	1.034,8	121,4	101,1
8. Than	3.162	101,5	3.276	97	103,6	95,6
9. Dầu thô	12.144	1.232,3	14.741	2.019	121,4	163,8
10. Thủy sản		858		982		114,4
11. Hàng dệt may		1.450,4		1.682		115,9
12. Giấy dệt các loại		1.031,8		1.406		136,2
13. Rau quả		57		74		130,4
14. Điện tử và linh kiện máy tính		474		589		124,3
15. Hàng thủ công mỹ nghệ		111		165		148,6

Nguồn: Bộ Thương mại

Qua số liệu ở bảng 1, ta thấy:

- Về tốc độ: tổng kim ngạch XK năm 1999 ước đạt 11,523 tỷ USD, tăng 23,1% so với năm 1998 (chỉ tiêu kế hoạch Quốc hội đề ra tăng 5-7%). Trong đó doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước đạt 8,946 tỷ USD chiếm 77,6% và tốc độ tăng 21,2%. Các doanh nghiệp có vốn FDI đạt 2,577 tỷ USD, chiếm 22,4% tăng 30%. Trong đó kim ngạch XK của các doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất có mức tăng đến 46,9% so với năm 1999.

- Về cơ cấu ngành hàng:

Nhóm hàng nông - lâm thủy hải sản đạt doanh số XK 4,4 tỷ USD chiếm 38,2% và tăng 16,4%.

Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp đạt 4,243 tỷ USD, chiếm 36,8%, tăng 26,3% so với năm 1998.

Nhóm hàng công nghiệp nặng, khai thác dầu thô và than đá đạt 2,880 tỷ USD chiếm 25% và tăng 29,7% so với năm 1998.

- Về các mặt hàng XK:

Cũng qua bảng 1 ta thấy hầu hết các mặt hàng XK chủ lực của VN có mức tăng trưởng cao, đặc biệt là mặt hàng tiêu, dầu thô, hàng thủ công mỹ nghệ.

- Về thị trường XK:

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương là thị trường XK chủ lực của VN. Năm 1999 ta XK sang thị trường này khoảng trên 7.204 triệu USD chiếm 62,7%, mức XK tăng ở thị trường này là 20% so với năm 1998.

Hàng hóa XK của VN qua các thị trường đều tăng: XK sang thị trường ASEAN tăng 22%, sang Nhật tăng 25%, sang EU tăng 26%, Nga, các nước SNG và Đông Âu tăng 8,1%, sang thị trường Mỹ tăng 3% so với năm 1998.

Tóm lại, hoạt động XK trong năm 1999 có nhiều chuyển biến tích cực, kim ngạch XK gia tăng trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn thể hiện sự cố gắng của nhiều bên: Chính phủ, các ngành, các doanh nghiệp.

b. Tình hình nhập khẩu:

Tình hình hoạt động NK được thể hiện qua bảng 2.

Tốc độ gia tăng NK giảm mạnh: tăng chưa đầy 1% so với năm 1998, chênh lệch giữa NK và XK khoảng 113 triệu USD... đây là mức nhập siêu thấp nhất trong mười năm gần đây (trừ năm 1992).

- Về cơ cấu nhập khẩu:

Năm 1999 nhóm công nghệ máy móc - thiết bị phụ tùng đạt 3,376 tỷ USD chiếm 29% tổng kim ngạch NK đạt 91,9% so với năm 1998; nhóm nguyên nhiên - vật liệu đạt 7,66 tỷ USD chiếm 65,8% kim ngạch NK; mặt hàng tiêu dùng chỉ đạt 0,6 tỷ USD chiếm 5,2% giảm 29,4% so với năm 1998.

Nhìn chung cơ cấu hàng NK đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng cường NK tư liệu sản xuất, giảm NK hàng tiêu dùng.

Bảng 2: Tình hình nhập khẩu của Việt Nam năm 1999

DVT: triệu USD

Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 1998		Ước TH 1999		Ước 1999 so với 1998	
		tính	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng %
I. Tổng trị giá NK	Triệu USD			11.527		11.636	100,9
1. Các doanh nghiệp có vốn trong nước	"			8.859		8.238	93
2. Các doanh nghiệp có vốn FDI	"			2.668		3.398	127,3
Trong đó KCX	"			343,7		485	141,1
II. Mặt hàng NK chủ yếu							
1. Ô tô nguyên chiếc	chiếc	17.202	130	10.693	86,8	62,2	66,6
2. Ô tô dạng linh kiện	bộ	3.874	40	4.524	38,3	116,8	94,8
3. Thép các loại (trừ phôi)	1.000T	937	359	1.360	426,5	145,1	118,8
4. Phôi thép	1000T	812	170	915	163,7	112,6	96,3
5. Phân bón các loại	1000T	3.454	474,7	3.821	468,1	110,6	98,6
6. Xăng dầu	1000T	6.830	827,4	7.244	998,7	106,1	120,7
7. Xe gắn máy	1000 bộ	382,7	350	490	393,2	128	112,3
(linh kiện để lắp ráp)							
8. Giấy các loại	1000T	162	97,3	193	100,9	119,1	103,7
9. Chất dẻo nguyên liệu	1000T	513,5	316,0	575	359	113,6	113,6
10. Hóa chất nguyên liệu	triệu USD			235	257	257	109,4
11. Máy móc trang thiết bị	"			2.184,4	2.010	2.010	91,9
12. Tầu được	"			312,0	260	260	83,3
13. Kính xây dựng	"			13,6	11,5	11,5	84,6

Nguồn: Vụ Kế hoạch - Thống kê Bộ Thương mại

3. Những tồn tại trong hoạt động XNK

a. Xuất khẩu:

Những mặt hàng XK của Việt Nam chủ yếu nhằm vào khai thác lợi thế tĩnh: đất đai, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên: như nông, lâm, thủy hải sản, dầu thô, than đá v.v..., những lợi thế tĩnh này không phát triển mà có xu hướng thu hẹp cho nên nếu không thay đổi cơ cấu hàng XK theo hướng công nghiệp hóa thì tốc độ tăng trưởng XK trong vài năm tới sẽ chậm lại.

Những mặt hàng công nghiệp nhẹ XK có giá trị kim ngạch XK cao: như dệt may, giày dép là các loại chủ yếu thực hiện XK gia công nên hiệu quả XK thấp vì giá gia công ngày càng giảm do cạnh tranh trong khu vực và giữa các nhà doanh nghiệp VN ngày càng gay gắt.

Tốc độ gia tăng XK cao, nhưng kim ngạch XK tính bình quân trên đầu người còn thấp so với các nước thành viên ASEAN khác.

Thị trường XK của Việt Nam chưa ổn định lại chịu sức ép cạnh tranh ngày càng cao bởi hàng hóa của các nước trong khu vực và Trung Quốc.

Hiệu quả kinh doanh XK của đa số các doanh nghiệp

còn thấp vì giá thành cao, chất lượng sản phẩm hạn chế, giá bán hàng XK lại hạ.

b. Nhập khẩu:

Tỷ trọng NK nguyên liệu nhiên liệu còn cao, biểu hiện tính phụ thuộc vào nguồn NK. Điều này dẫn tới tỷ lệ nội địa hóa trong cơ cấu hàng XK thấp, hàng hóa XK của VN không đủ điều kiện để hưởng những quy chế ưu đãi GSP của các nước công nghiệp phát triển hoặc thuế ưu đãi CEPT khi XK sang các nước ASEAN (vì không đạt tiêu chuẩn về xuất xứ hàng hóa).

Cơ cấu NK thiết bị máy móc và công nghệ (không kể ô tô) giảm - điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4. Những định hướng giải pháp cho hoạt động xuất nhập khẩu

a. Quan điểm đề xuất định hướng giải pháp:

Hội nhập kinh tế khu vực và thế giới là xu thế tất yếu mang tính khách quan.

Chiến lược kinh tế: "Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng về XK" đòi hỏi phải có sự chuyển dịch nhanh về cơ cấu kinh tế trong đó có cơ cấu hàng XK.

Hoạt động XNK sẽ diễn ra trong bối cảnh hàng rào bảo hộ của Nhà nước sẽ giảm, cạnh tranh trở nên gay gắt trên thị trường quốc tế cũng như trên thị trường nội địa.

Vai trò của Nhà nước rất quan trọng trong điều tiết hoạt động XNK, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các nhà doanh nghiệp.

b. Những định hướng giải pháp:

Để nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả hoạt động XK, điều tiết hoạt động NK theo hướng có lợi nhất cho nền kinh tế theo chúng tôi cần quan tâm đến nhóm giải pháp sau đây:

- Giải pháp thực hiện ngay:

+ Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính: đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép XK, NK và thủ tục hải quan, giám định hàng hóa v.v... tạo thuận lợi tối đa cho các nhà doanh nghiệp XNK, nhưng vẫn đảm bảo sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước đối với quá trình này.

+ Hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng các tiêu chuẩn quản trị chất lượng quốc tế như ISO 9000, tiêu chuẩn về vệ sinh thực phẩm GMP... để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm XK của VN.

+ Chuyển dần từng bước từ hình thức gia công XK sang hình thức tư doanh (XK theo FOB).

+ Triển khai nhanh chương trình điện tử thương mại, qua đó hỗ trợ thông tin cho các nhà doanh nghiệp.

+ Tiếp tục đàm phán để sớm gia nhập WTO, xem xét việc ký kết hiệp định thương mại Việt - Mỹ.

- Giải pháp dài hạn:

+ Xây dựng chiến lược dịch chuyển cơ cấu hàng XK theo hướng: nâng dần tỷ trọng cơ cấu XK hàng công nghiệp, trước hết là hàng chế biến nông - lâm - thủy - hải sản; công nghiệp hóa dầu và sản phẩm dầu mỏ.

+ Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong cơ cấu hàng XK để vừa nâng cao hiệu quả XK, vừa giải quyết việc làm cho người lao động.

+ Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động XNK và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm VN trên thị trường nội địa và quốc tế.

+ Nghiên cứu đề xuất những biện pháp ứng phó với tình hình VN tham gia muộn hơn vào chương trình cắt giảm thuế (CEPT) của ASEAN và ứng phó với việc Trung Quốc ký hiệp định thương mại với Mỹ và EU cũng như khả năng gia nhập WTO sớm hơn VN.

+ Nghiên cứu đề xuất phương án sử dụng Việt kiều làm mạng lưới phân phối hàng hóa của VN ở một số thị trường chủ lực như: Mỹ, Pháp, Canada, Nga...

+ Lập trung tâm xúc tiến thương mại của VN trên một số thị trường trọng điểm để mở rộng khả năng thâm nhập thị trường ■